

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 581/2017/HSPT

Ngày: 29/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 332/2017/HSPT ngày 10 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo Bé Thị D và Chu Văn A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Bé Thị D, sinh ngày 14/8/1971; nơi ĐKKHKT: khu chợ M, B, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 01/10; con ông Bé Văn S (tên gọi khác là Bé Lâm S) đã chết và bà Lô Thị K; có chồng là Chu Văn A (là bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2016; có mặt.

2. Chu Văn A, sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: khu chợ M, B, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 6/10; con ông Chu Văn V (tên gọi khác là Chu Thế V) đã chết và bà Nông Thị T; có vợ là Bé Thị D (là bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2016; có mặt.

**** Người bào chữa theo luật định:***

1. Ông NBC1, Luật sư của Văn phòng luật sư NBC1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Bé Thị D; có mặt.

2. Ông NBC2, Luật sư của Văn phòng luật sư NBC2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Chu Văn A; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Vào hồi 9 giờ 10 phút ngày 05/02/2015, Đội kiểm soát Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại Km 4 đường tránh Quốc lộ 3 (Cao Bằng - Hà Nội), phát hiện Triệu Đức H (sinh năm 1969, trú tại khu phố chợ B, B, N, Bắc Kạn) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 11A-00804 hiệu KIA đi từ hướng Hà Nội - Cao Bằng. Tổ công tác ra tín hiệu giao thông dừng xe, nhưng H không chấp hành hiệu lệnh, đã quay xe rẽ vào khu tái định cư B (thuộc phường Đ, thành phố Cao Bằng). Khi thấy Tổ công tác truy đuổi, H dừng xe lại và bỏ chạy được khoảng 80m thì bị Tổ công tác bắt giữ và đưa về vị trí chiếc xe ô tô. Qua kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 11A-00804 phát hiện trong cốp phía sau của xe có 03 túi ni lon to, màu đen đựng các khối chất rắn, cụ thể:

Túi 1: có 52 (năm mươi hai) khối chất rắn hình chữ nhật, kích thước mỗi khối 15cm x 10 cm x 2,5cm;

Túi 2: có 50 (năm mươi) khối chất rắn hình chữ nhật, kích thước mỗi khối 15cm x 10 cm x 2,5cm;

Túi 3: có 54 (năm mươi tư) khối chất rắn hình chữ nhật, kích thước mỗi khối 15cm x 10 cm x 2,5cm.

Triệu Đức H khai các khối chất rắn bị lực lượng chức năng thu giữ đều là Heroin, tổng cộng 156 bánh. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và toàn bộ tang vật đưa về Công an tỉnh Cao Bằng để tiến hành cân xác định trọng lượng và lấy mẫu gửi giám định. Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong, cân xác định trọng lượng tang vật thu giữ được có tổng trọng lượng là 54.662,97 gam; lấy mẫu gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng và gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an để giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 40/GĐMT ngày 23/3/2015, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “Chất bột màu trắng trong 156 phong bì niêm phong gửi đến giám định đều là Heroin”.

Tại Thông báo kết quả giám định 3297/C21(P7) ngày 08/6/2015, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận chất bột màu trắng trong các ký hiệu từ mẫu số 01 đến số 156 gửi giám định đều có thành phần Heroin và hàm lượng 51,9% đến 71,2%, riêng mẫu giám định số 53 có hàm lượng 19,1%.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Ngày 04/02/2015, Bé Thị D thông báo cho Bé Thị M, Chu Văn A và Triệu Đức H là ngày 05/02/2015 sẽ vận chuyển ma túy lên Cao Bằng. D, A và M đi trước xem đường, nếu có

công an làm việc thì thông báo, còn H sẽ lái xe chở ma túy. Đúng hẹn, 24 giờ cùng ngày, H, D đến khu vực quảng trường thành phố T để lấy chiếc xe ô tô hiệu Altis màu đen, biển kiểm soát 20A-00435 (trên xe có chở ma túy). Đến 02 giờ ngày 05/02/2015, A và M đến đường tròn trung tâm thành phố T. Đến nơi thấy D đang đứng chờ, còn bên kia đường có một chiếc ô tô hiệu Camry màu sẫm. D đưa chìa khóa xe Camry cho A và cả ba người cùng lên xe. A điều khiển xe, còn M ngồi ghế phía trên, D ngồi ghế phía sau. Theo sự chỉ đạo của D, A lái xe Camry đi trước, còn H lái xe ô tô hiệu Altis đi sau. Khoảng hơn 07 giờ ngày 05/2/2015 xe ô tô do A điều khiển đến cổng khách sạn M (phường S, thành phố Cao Bằng). Bé Thị M xuống xe đi vào khách sạn M, lấy và lái chiếc xe KIA biển kiểm soát 11A-00804, còn D và A quay xe ra chợ xanh thành phố Cao Bằng, đỗ ở vỉa hè chờ M. Một lúc sau, M lái xe KIA đến đón D và A quay lại Km 17 đèo T. Đến đoạn đường cũ thì xe ô tô do H điều khiển đi đến. H dừng xe mở cốp, D, M và A cùng nhau chuyển 156 bánh Heroin từ xe Altis sang xe KIA biển kiểm soát 11A-00804. Sau khi chuyển xong 03 bọc Heroin, M, D, A đi trước, còn H lái xe hiệu KIA chở ma túy đi sau. Mục đích của H lái chiếc xe KIA biển kiểm soát 11A-00804 đến gửi ở sân Bệnh viện tỉnh Cao Bằng và khoảng 16 đến 17 giờ cùng ngày sẽ đi vào cửa khẩu T để giao Heroin cho người Trung Quốc. Nhưng khi đến khu vực phường Đ, phát hiện lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ, H đã quay xe bỏ chạy vào khu tái định cư B (phường Đ, thành phố Cao Bằng), nhưng đã bị bắt giữ. Khi A, D và M đang ăn sáng tại quán phở vịt đối diện rạp ngoài trời (phường H, thành phố Cao Bằng), thì nhận được tin H đã bị bắt. Biết tin, D đã bỏ trốn sang Trung Quốc, còn M và A cũng bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 15/3/2015, Cơ quan điều tra đã bắt giữ được Bé Thị M tại phường L, thành phố T. Trong quá trình điều tra, M và H đều khai nhận hành vi phạm tội của mình; việc tham gia vận chuyển 156 bánh Heroin lên Cao Bằng tiêu thụ là theo sự chỉ đạo của D, ngoài ra còn có sự tham gia của Chu Văn A. Tại Bản án số 38/2015/HSST ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã xử phạt các bị cáo Triệu Đức H: Tử hình, Bé Thị M: 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Riêng Bé Thị D và Chu Văn A, cơ quan công an đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Ngày 21/6/2016, Bé Thị D và Chu Văn A bị bắt tại phường P, thành phố T. (Bé Thị D bị bắt theo 02 Quyết định truy nã: Quyết định truy nã số 11/C17 ngày 02/10/2008 của Bộ Công an và Quyết định truy nã của Công an tỉnh Cao Bằng).

Về nguồn ma túy, Bé Thị D khai: D nhận vận chuyển thuê cho đôi

tượng có tên là C (người ở Hà Nội) với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ đường tròn trung tâm thành phố T lên cửa khẩu T để đem sang Trung Quốc bán. Do đối tượng tên C không có địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng chưa mở rộng được vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố: bị cáo Bé Thị D, Chu Văn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo Bé Thị D, hình phạt tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo Chu Văn A 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam 21/6/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/3/2017, bị cáo Bé Thị D có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm hình phạt.

Ngày 05/4/2017, bị cáo Chu Văn A có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bé Thị D khai nhận vận chuyển hàng cho một người tên là C (người ở Hà Nội, không biết họ tên đầy đủ, không biết nơi ở cụ thể) vận chuyển từ Thái Nguyên đến gần cửa khẩu T, Cao Bằng với số tiền công là 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận lời, tôi gọi điện cho anh rề là H, vận chuyển với số tiền công là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Thực chất khi nhận vận chuyển hàng cho anh C, tôi không biết là hàng gì, đến khi anh H bị bắt, tôi mới biết đó là ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như vậy tôi phạm tội gì, nếu là "Mua bán trái phép chất ma túy" thì xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Chu Văn A khai giữa A và Bé Thị D là hai vợ chồng. Trong vụ án này, A được tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Cụ thể: A là người trực tiếp điều khiển xe ô tô, (trên xe có Bé Thị M, Bé Thị D) cùng đi trước để dò đường. Sau đó A có tham gia vận chuyển ma túy từ xe của H điều khiển sang xe KIA (do M điều khiển từ Cao Bằng đến km 17). Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng, không oan. Nay bị cáo đã biết được tội lỗi của mình, rất ân hận về hành vi và việc làm của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm đối với bị cáo Bé Thị D như sau: Bản án sơ thẩm xử phạt tử hình bị cáo Bé Thị D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội. Trong vụ án này, bị cáo D có vai trò chủ mưu, tổ chức mua bán ma túy mặc dù tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng bị cáo chỉ là người vận chuyển thuê cho người tên là C nhà ở Hà Nội, còn cụ thể địa chỉ ở chỗ nào bị cáo cũng không biết, những lời nài ra của bị cáo là không có cơ sở bởi căn cứ vào chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án thấy rằng án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" như bị cáo đã nêu ra. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Giữ y quyết định của án sơ thẩm đối với bị cáo Bé Thị D.

Đối với bị cáo Chu Văn A: Trong vụ án này, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Bé Thị D, bị cáo phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo. Bản thân không ý thức hết được tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, sau khi bị bắt bị cáo luôn tỏ ra ăn năn hối cải thành khẩn khai báo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa hôm nay bị khai nhận hết hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh hiện tại của gia đình bị cáo, mẹ già không ai chăm sóc, con nhỏ chưa lập gia đình, cả hai vợ chồng đều phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo Chu Văn A.

Luật sư NBC1 bào chữa cho bị cáo Bé Thị D như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và cuộc thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, xét thấy hành vi của bị cáo Bé Thị D là cấu thành tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" bởi bị cáo D khai vận chuyển hàng thuê cho một người tên là C và được trả tiền công là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, bố chồng của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về xã hội, về pháp luật có phần hạn chế. Nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư NBC2 bào chữa cho bị cáo Chu Văn A như sau: Nhất trí với án sơ thẩm, về phần tội danh. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vai trò của bị cáo, khi được M và D gọi điện lên Cao Bằng, thì bị cáo đi cùng, chỉ là đồng phạm, giúp sức, vai trò thấp nhất so với các bị cáo khác trong vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại: điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (thành khẩn khai báo); điểm k khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (bị cáo là người dân tộc, nhận thức hạn

chế, lạc hậu...) áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo do có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy, bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, quan điểm của luật sư và lời trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, bị cáo Bế Thị D thừa nhận có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả nhưng cho rằng với hành vi như vậy thì cấu thành tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", chứ không phải tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như án sơ thẩm đã tuyên xử. Mặc dù bị cáo D cho rằng mình chỉ phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại, biên bản hỏi cung bị cáo có sự tham gia của người bào chữa, của Kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo khác trong vụ án cụ thể:

[1] Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Bế Thị D khai 156 bánh hêrôin do anh Triệu Đức H vận chuyển lên Cao Bằng tiêu thụ vào ngày 05/02/2015 và bị bắt quả tang là của tôi. Tôi nhận số ma túy này với một người tên C và chỉ biết C là người Hà Nội, sinh năm 1965. Chúng tôi quen nhau cách đây 02 năm tại bên Trung Quốc. Sau đó về Việt Nam, C liên lạc với tôi. C có thuê tôi chuyển số ma túy trên vào T, Cao Bằng (để C tự bán sang Trung Quốc) với giá là 30.000.000 đồng. Trong vụ này, có 04 người tham gia là tôi, M, anh A chồng tôi và anh H là anh rể tôi. Anh H, anh A và M đều không biết C. Trước ngày 05/02/2015, tôi và C mới thống nhất việc vận chuyển ma túy lên Cao Bằng. Theo hẹn, C sẽ đưa ma túy và 02 xe ô tô ra để ở đường tròn trung tâm thành phố T, trong đó có 01 xe có chở ma túy. Tôi cũng không kiểm tra ma túy cụ thể thế nào? Cả 02 xe ô tô đều là của C. Tôi đó, tôi ngủ ở nhà nghỉ gần nơi để xe, đến 03 giờ sáng, thì nhận xe và ma túy từ C. Khoảng 10 phút sau, chúng tôi xuất phát đi Cao Bằng. Tôi đã gọi điện cho anh H, anh A, M và nhắn từ hôm trước là: "thời gian đi sẽ tập trung ở đường tròn trung tâm thành phố T". Theo phân công thì anh H sẽ là người trực tiếp lái xe ô tô chở ma túy và đi sau. Còn tôi, M, anh A sẽ lái xe Camry đi trước, mục đích là để dò đường, xem trên đường có lực lượng chức năng làm việc hay không? Xe tôi đi, do anh A điều khiển đến thẳng Cao Bằng, lúc đó khoảng 08 giờ sáng. Đi đến khách sạn M, M xuống xe, vào sân khách sạn để lấy 01 chiếc xe ô tô KIA gửi ở đó. Tôi và anh A đi xe Camry sang cổng chợ xanh, để xe ở vỉa hè và chờ M. Lúc sau M đi xe KIA đến và cả ba cùng lên xe KIA để quay về đèo T, đến

đoạn km 17, dừng xe ở đó, chờ khoảng 15 phút, thì xe H điều khiển đến nơi. Hai xe dừng song song cùng chiều với nhau. Chúng tôi cùng chuyển 03 bọc ma túy từ cốp xe H điều khiển, chuyển sang cốp xe KIA do M điều khiển. Xong tôi, M, A lên chiếc xe do H lái, đi trước về thành phố Cao Bằng. Còn H lái xe KIA chở ma túy theo sau. Khi tôi, A và M đang ăn sáng tại thành phố Cao Bằng, thì tôi nghe tin từ C bảo là H đã bị bắt, nên chúng tôi mỗi người một đường để trốn, anh A lái chiếc xe Camry về Thái Nguyên, tôi nhả là cho xe vào trong sân Bảo Tàng, rồi C sẽ đến lấy sau. Còn tôi trốn sang bên Trung Quốc.

[2] Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chu Văn A khai: Khoảng 15 giờ chiều ngày 04/02/2015, tôi đang ở nhà thì em của vợ tôi là Bé Thị M gọi điện, bảo tôi sang nhà M có việc. Khi tôi đến nhà M, thì M có nói là khoảng 02 đến 03 giờ sáng đi Cao Bằng, lúc đó tôi chưa biết đi làm gì, nên đã hỏi lại, thì M bảo có hàng (tức là ma túy) đưa lên Cao Bằng. Nhưng M không nói rõ số lượng là bao nhiêu. Lúc đầu tôi còn nói “đi làm gì” thì vợ của tôi ở trong phòng nói ra là “cứ đi đi, đi áp tải hàng, hàng của tao đây, không phải thò hàng đâu, hàng có người khác thò rồi”. D bảo M là ngồi theo xe và xem trên đường có Công an làm việc hay không? Để gọi báo cho xe đi sau biết. Đến 02 giờ sáng, M có gọi điện cho tôi và nói “dậy đi đi” tôi dậy đi ra ngoài, thì đã thấy M thuê tắc xi đến đón, tôi đi ra đường tròn Thái Nguyên. Đến nơi đã thấy vợ tôi là Bé Thị D đứng ở đó, bên cạnh có 01 chiếc xe ô tô Camry màu đen, tôi không để ý biển số. Cả ba chúng tôi lên xe, xuất phát đi Cao Bằng. Tôi là người lái xe. Khi đến Cao Bằng, tôi đưa M đến khách sạn M để M lấy 01 chiếc xe ô tô KIA được gửi ở đó. Sau đấy quay trở lại km 17, đoạn có đường cũ và đường mới. Chờ khoảng 05 phút, thì anh H (là anh em đồng hao với tôi, là chồng của chị M) một mình đi 01 chiếc xe ô tô Altis màu đen đến và M lái xe ô tô KIA lùi sát vào xe của H để vận chuyển 03 bao tải ma túy sang xe KIA. Sau đó H điều khiển xe KIA chở ma túy đi sau, D, M đi trước theo hướng về thành phố Cao Bằng. Khi biết H bị Công an Cao Bằng bắt ngày 05/02/2015, do sợ nên tôi đã bỏ trốn, nhưng chủ yếu là ở nhà con trai (tại tổ X, phường P, thành phố Thái nguyên). Còn vợ tôi là Bé Thị D bỏ trốn ở đâu, tôi không biết.

[3] Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, Triệu Đức H khai: Trong vụ án này gồm có tôi, M, A và D cùng tham gia. D là người giữ vai trò chính, điều hành. Còn tôi là người được D bảo lái xe chở ma túy lên Cao Bằng. Khi đến Cao Bằng, tôi mới biết A và M có tham gia, nhưng tôi nghĩ vai trò cũng giống tôi, chỉ đi cùng. Cụ thể: Trước ngày bị bắt khoảng 02 ngày, em vợ tôi là Bé Thị D có báo cho tôi biết có 01 chuyến hàng ma túy đưa lên Cao Bằng, tôi đồng ý, thống nhất xuất phát lúc 02 giờ sáng ngày 05/02/2015 từ đường tròn trung tâm thành phố T. Theo hẹn, tôi ra khu đường tròn nhận từ D 01 chiếc xe 04 chỗ màu đen, tôi không rõ biển số xe, loại xe Altis. Khoảng 02 giờ, tôi xuất phát đi lên Cao Bằng. Còn xe đi trước, tôi không biết là xe nào và ai lái. Dọc đường đi, không dừng lại ở đâu, khi

đến đèo T, cách thành phố Cao Bằng khoảng 17 km, thì tôi cho xe rẽ vào 01 đoạn đường cua, đường cũ. Khi vào, đã thấy xe của D, gồm cả A và M. Tôi tiến xe sát vào xe KIA, sau đó tôi, D, A, M cùng nhau chuyển 03 bao đựng ma túy từ xe do tôi đi, chuyển sang chiếc xe KIA. Chuyển xong, tôi được D bảo lái tiếp chiếc xe KIA về thành phố Cao Bằng, đợi đến chiều tôi đưa vào gần cửa khẩu H, T để giao. Nhưng trên đường đi đến khu tái định cư, phường Đ, thành phố Cao Bằng thì tôi bị bắt, thu giữ trên xe có 156 bánh heroin. Còn M, A, D lại đi chiếc xe Altis mà tôi đi, để về thành phố Cao Bằng, nhưng không biết họ đi đâu sau đó. Tôi chỉ làm theo sự chỉ dẫn của D là đưa ma túy lên Cao Bằng, còn nguồn gốc ma túy do đâu mà có, vai trò của A trong vụ này như thế nào? tôi không biết. Khi đến km 17 thì tôi mới thấy A, cùng nhau giúp chuyển ma túy, nhưng không nói gì với nhau...".

[4] Bé Thị M khai tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm: Buổi chiều ngày 04/02/2015, Bé Thị D gọi điện thoại cho tôi nói là ngày 05/02/2015 cùng D đi dò đường xem lực lượng Công an làm việc không để vận chuyển ma túy lên Cao Bằng. Theo hẹn, khoảng 02 giờ sáng ngày 05/02/2015, tôi đến khu vực đường tròn (trung tâm thành phố T) đã thấy chị D đang đứng chờ ở đó, bên cạnh là 01 chiếc xe Camry màu xám, tôi không rõ biển số, chờ một lúc thì có anh A đi đến. Ba chúng tôi cùng xuất phát, anh A là người lái xe, tôi ngồi ghế bên phụ trước, còn chị D ngồi ở sau. Trước khi xuất phát, chị D có nói với tôi là ngồi ghế trên xem đường, xem có lực lượng chức năng làm việc hay không thì báo cho chị, để chị liên lạc với xe sau. Còn trên xe chở bao nhiêu ma túy thì tôi không được biết. Chúng tôi đi thẳng đến thành phố Cao Bằng, tôi vào khách sạn M lấy 01 chiếc xe ô tô KIA được gửi ở đây. Còn chị D và anh A lái xe ô tô Camry sang bên chợ xanh. Khi tôi lấy xe xong, có quay sang đón 02 người này, vì anh A để chiếc xe Camry ở đâu đó. Bọn tôi quay trở lại km 17 đèo T và gặp anh H đi từ Thái Nguyên lên. Sau đó 02 xe quay đuôi lại với nhau và chúng tôi cùng chuyển ma túy từ xe anh H sang xe KIA.

[5] Căn cứ vào các lời khai trên thì thấy: Theo sự chỉ đạo của bị cáo Bé Thị D, vào khoảng 02 giờ ngày 05/02/2015, tại trung tâm đường tròn thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Chu Văn A đã trực tiếp điều khiển xe ô tô hiệu Camry chở bị cáo D và Bé Thị M đi lên Cao Bằng thăm dò đường, để Triệu Đức H lái xe ô tô chở ma túy theo sau lên Cao Bằng, nhưng vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 05/02/2015 Triệu Đức H bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, trên xe ô tô đang vận chuyển 156 bánh heroin, tổng trọng lượng 54.662,97 gam. Với hành vi trên của các bị cáo, đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Do vậy, án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Bé Thị D, Chu Văn A là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[6] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc

biệt nghiêm trọng. Mua bán trái phép chất ma túy với số lượng đặc biệt lớn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe con người và nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" đặc biệt nghiêm trọng, số lượng ma túy thu được rất lớn, thủ đoạn tinh vi, chuyên nghiệp, có tổ chức.

[7] Trong vụ án này, Bé Thị D giữ vai trò chính, chủ mưu, điều hành các hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép ma túy từ Thái Nguyên lên Cao Bằng và đưa sang Trung Quốc tiêu thụ. Tuy bị cáo không có tiền án tiền sự nhưng năm 2008, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an đã có quyết định truy nã đối với bị cáo về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy". Hành vi phạm tội của bị cáo ngày 05/02/2015 với mức độ đặc biệt nguy hiểm hơn. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn trong công tác điều tra. Bị cáo phạm tội với số lượng ma túy rất lớn, gây nguy hại đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội. Các tình tiết mà bị cáo nêu ra tại phiên tòa hôm nay đều là những tình tiết mà bị cáo đã nêu ra tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không đưa ra thêm được những chứng cứ tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình; bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù trong phần xét hỏi bị cáo luôn cho rằng mình phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" nhưng về vấn đề này tại tiểu mục 3.2 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 quy định "... Người nào giữ hộ, hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy cho người khác, mà biết rõ mục đích mua bán trái phép chất ma túy của người đó, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy". Do đó, án sơ thẩm xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội, không oan mặc dù bị cáo cho rằng mình phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" Nhưng khi nói lời sau cùng bị cáo lại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình cho bị cáo.

Do hành vi phạm mua bán ma túy với số lượng đặc biệt lớn, vì vậy Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Cần giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[8] Đối với bị cáo Chu Văn A tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm, giúp sức cùng bị cáo Bé Thị D, tham gia điều khiển xe ô tô đi dò đường, giúp chuyển ma túy từ xe Altis sang xe KIA trên đường vận chuyển đi tiêu thụ. Về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự bị cáo là người dân tộc, nhận thức hạn chế, lạc hậu, bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện khó khăn, vẫn còn một mẹ già không ai chăm sóc, người con gái út chưa có gia đình cả hai vợ chồng đều truy tố và xét xử theo

điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo phạm tội do bị rủ rê và cả nể như lời khai của bị cáo:.... *“Khoảng 15 giờ chiều ngày 04/02/2015, tôi đang ở nhà thì em của vợ tôi là Bé Thị M gọi điện, bảo tôi sang nhà M có việc. Khi tôi đến nhà M, thì M có nói với tôi là khoảng 02 đến 03 giờ sáng đi Cao Bằng, lúc đó tôi chưa biết đi làm gì, nên đã hỏi lại, thì M bảo có hàng (tức là ma túy) đưa lên Cao Bằng. Nhưng M không nói rõ số lượng là bao nhiêu. Lúc đầu tôi còn nói “đi làm gì” thì vợ của tôi ở trong phòng nói ra là “cứ đi đi, đi áp tải hàng, hàng của tao đấy, không phải thổ hàng đâu, hàng có người khác thổ rồi”.* Hơn nữa trong vụ án này, cả hai vợ chồng cùng phạm tội và bị xét xử trong cùng một vụ án nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy có căn cứ xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[9] Về án phí: Bị cáo Bé Thị D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Bị cáo Chu Văn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bé Thị D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Chu Văn A, sửa một phần của bản án sơ thẩm.

[3] Tuyên bố: Bị cáo Bé Thị D, Chu Văn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[4] Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo **Bé Thị D**, hình phạt Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[5] Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo **Chu Văn A** 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/6/2016.

[6] Về án phí:

- Bị cáo Bé Thị D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Chu Văn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Trong thời hạn 07 ngày kể, từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Bế Thị D có quyền gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng